

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 311/2020/HS-PT
Ngày 30-11-2020.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Phụng; Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 323/2020/TLPT-HS ngày 27/10/2020 đối với bị cáo Trần Thanh T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 280/2020/HS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Thanh T** (Tên khác: T Liệu), sinh năm 1981, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Tổ dân phố 1, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh H, sinh năm 1954 và bà Đinh Thị L, sinh năm 1960; có vợ Khấu Thị Minh H, sinh năm 1993 và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 23/2003/HSST ngày 12/12/2003 bị Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 16/02/2004 chấp hành xong hình phạt, năm 2004 nộp xong tiền án phí.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/5/2020, đến ngày 16/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết H; trú tại: Liên gia 6, tổ dân phố 8, phường K, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Lê Thị B; trú tại: Buôn C, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3. Bà Đinh Thị Ái L; trú tại: Liên gia 1, tổ dân phố 10, phường K, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Bà Lê Thị T; trú tại: Liên gia 4, tổ dân phố 12, phường K, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Bà Lê Thị Thúy P; trú tại: Tổ dân phố 10, phường K, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Bà Trần Thị S; trú tại: Thôn 5, xã K, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

7. Bà Phạm Thị Tố L1; trú tại: Buôn T, xã K, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thị T; trú tại: Số 03 đường T, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Khâu Thị Minh H; trú tại: Số 120 đường C, tổ dân phố 1, phường K, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3. Bà Từ Thị Hồng H; trú tại: Tổ dân phố 7, phường K, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2020, bà Từ Thị Hồng H (Là Chủ tịch Hội đồng quản trị Trường Trung cấp nghề M) có nhờ Trần Thanh T đến gặp và yêu cầu những người dân buôn bán các loại hàng hóa tại khu vực phía trước trường M không được lấn chiếm đường đi vào trường. Kể từ thời gian đó, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của những người dân buôn bán trên, nên hàng ngày T đến khu vực này đe dọa, ép buộc những người dân buôn bán tại đây phải đóng tiền phí sử dụng địa điểm thì mới cho buôn bán, cụ thể là từ 150.000 đồng/người/tháng đến 250.000 đồng/người/tháng đối với những người buôn bán thường xuyên, còn đối với những người buôn bán không cố định là 10.000 đồng/ngày, nếu người nào không chịu đóng tiền thì T sẽ lớn tiếng đe dọa không cho họ buôn bán tại đây.

Khoảng 06 giờ 00 phút, ngày 05/5/2020, như thường lệ, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu sơn cam đen, biển số 47B2-410.29, số máy JF27E0458442, số khung RLHJF1804AY406752 đến khu vực của những người

dân buôn bán tại trước Trường M để thu tiền phí sử dụng địa điểm của những người buôn bán tại đây. T đi bộ đến vị trí bán bắp của bà Nguyễn Thị Tuyết H để thu tiền, do trước đây T đã thu tiền nhiều lần của bà H, nên khi T đến thì bà H sợ đưa cho T số tiền 10.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục đến vị trí bán rau của bà Lê Thị B để thu tiền. Lúc này, bà B nói “*Hôm nay tôi đóng 5.000 đồng được không?*” thì T lớn tiếng chửi, đe dọa “*Không được, đúng 10.000 đồng, không tao đập đổ không cho bán*”, bà B sợ nên đưa cho T số tiền 10.000 đồng gồm 05 tờ tiền có mệnh giá 2.000 đồng. Khi T vừa cầm tiền trên tay thì bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện bắt quả tang, tạm giữ gồm: Số tiền 20.000 đồng T chiếm đoạt của bà Hồng và bà Bằng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu sơn cam đen, biển số 47B2-410.29, số máy JF27E0458442, số khung RLHJF1804AY406752; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu vàng, số Imei: 353342070019038; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs, dung lượng 64GB, màu vàng, số Imei: 357201095566975 và số tiền 26.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 đến ngày 05/5/2020, cũng bằng thủ đoạn như trên Trần Thanh T còn chiếm đoạt lần lượt của những người dân buôn bán tại khu vực, cụ thể: Bà Lê Thị B số tiền 30.000 đồng, bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền 20.000 đồng, bà Đinh Thị Ái L số tiền 500.000 đồng, bà Lê Thị T số tiền 500.000 đồng, bà Lê Thị Thúy P số tiền 200.000 đồng, bà Trần Thị S số tiền 200.000 đồng và bà Phạm Thị Tố L1 số tiền 850.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án, bà H, bà L và bà T không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường lại số tiền mà bị cáo T đã chiếm đoạt lần lượt là 20.000 đồng, 500.000 đồng và 500.000 đồng. Tuy nhiên, vào ngày 27/7/2020, bị cáo T đã đến gặp và bồi thường số tiền trên cho bà H, bà L và bà T.

Đối với bà B, bà P, bà S và bà L1 có yêu cầu bị cáo T phải bồi thường lại số tiền mà bị cáo T đã chiếm đoạt lần lượt là 30.000 đồng, 200.000 đồng, 200.000 đồng và 850.000 đồng; Ngày 27/7/2020 và ngày 30/7/2020, bị cáo T đã đến gặp để bồi thường số tiền trên cho bà B, bà P, bà S và bà L1. Bà H, bà L, bà T, bà P và bà L1 nhận tiền bồi thường của bị cáo T; còn bà B và bà S thấy số tiền bị cáo T chiếm đoạt là không nhiều nên không nhận lại.

Sau đó tất cả các bị hại là bà H, bà L, bà T, bà B, bà P, bà S và bà L1 đều đã tự nguyện làm đơn bãi nại cho bị cáo T.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 280/2020/HS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/5/2020 đến ngày 16/7/2020.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/9/2020, bị cáo Trần Thanh T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả gây ra đối với hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thanh T và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù là nhẹ so với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, không có căn cứ chấp kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 đến khi bị bắt quả tang ngày 05/5/2020, tại khu vực chợ tự phát phía trước Trường Trung cấp nghề M, thuộc tổ dân phố 7, phường K, thành phố B, bị cáo Trần Thanh T đã nhiều lần dùng thủ đoạn đe dọa bằng lời nói, uy hiếp tinh thần của những người dân buôn bán tại đây, bị cáo đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Tuyết H và bà Lê Thị B số tiền 10.000 đồng/người; chiếm đoạt của

bà Lê Thị B số tiền 30.000 đồng; bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền 20.000 đồng; bà Đinh Thị Ái L số tiền 500.000 đồng; bà Lê Thị T số tiền 500.000 đồng; bà Lê Thị Thúy P số tiền 200.000 đồng; bà Trần Thị S số tiền 200.000 đồng và bà Phạm Thị Tố L1 số tiền 850.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 2.320.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Thanh T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức hình phạt 09 tháng tù bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là nhẹ, so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra. Bởi lẽ, bị cáo có nhân thân xấu, tại Bản án số 23/2003/HSST ngày 12/12/2003 bị Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên (nhiều lần). Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Thanh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thanh T.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 280/2020/HS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[2]. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 09 (Chín) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/5/2020 đến ngày 16/7/2020.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thanh T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- T.H.A.HS Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo; đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân